

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 6050/BGDĐT-CTHSSV

Hà Nội, ngày 18 tháng 11 năm 2015

V/v báo cáo tổng kết công tác  
nước sạch, vệ sinh môi trường  
giai đoạn 2012-2015

Kính gửi: Các Sở Giáo dục và Đào tạo.

Thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn giai đoạn 2012-2015 và Chỉ thị số 5909/CT-BGDĐT ngày 17/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác nước sạch, vệ sinh môi trường trong trường học, Bộ Giáo dục và Đào tạo chuẩn bị tổ chức tổng kết công tác nước sạch, vệ sinh môi trường trong trường học giai đoạn 2012-2015. Để có căn cứ xây dựng báo cáo tổng kết và định hướng giai đoạn 2016-2020, Bộ Giáo dục và Đào tạo yêu cầu các sở giáo dục và đào tạo thực hiện các nội dung sau:

1. Xây dựng báo cáo tổng hợp về việc triển khai chỉ đạo, thực hiện công tác nước sạch, vệ sinh môi trường giai đoạn 2012-2015 theo đề cương chi tiết gửi kèm theo (Phụ lục 1).

2. Phối hợp với các ban ngành hữu quan, chính quyền các cấp, chỉ đạo các đơn vị trực thuộc tổ chức triển khai rà soát, tổng hợp số liệu về kết quả thực hiện công tác đầu tư, xây dựng, sửa chữa các công trình nước sạch, công trình vệ sinh trường học trong phạm vi quản lý bao gồm cả các công trình thực hiện bằng nguồn vốn khác ngoài Chương trình (Phụ lục 2).

Nhận được công văn này, đề nghị các sở giáo dục và đào tạo tổ chức triển khai thực hiện kịp thời, báo cáo số liệu đầy đủ, xác thực về Bộ Giáo dục và Đào tạo trước ngày 5/12/2015. Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ tổng hợp báo cáo và kiểm tra các tỉnh để đánh giá tình hình thực hiện.

Thông tin chi tiết xin liên hệ Vụ Công tác học sinh, sinh viên – Bộ Giáo dục và Đào tạo, 35 Đại Cồ Việt, Hai Bà Trưng, Hà Nội. Điện thoại/Fax: 043 8694029; E-mail: pttba@moet.edu.vn.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BT. Phạm Vũ Luận (để b/c);
- Bộ NN&PTNT (để b/c);
- Cục CSVC TBTH&DCTE (để p/h);
- Lưu: VT, CTHSSV.



## Phụ lục 1

### ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia về Nước sạch, Vệ sinh môi trường trong trường học giai đoạn 2012-2015 và định hướng 2015-2016  
(kèm theo Quyết định số 6050 /BGĐT-CTHSSV ngày 18/11/2015)

#### 1. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Việc ban hành các văn bản chỉ đạo điều hành về công tác nước sạch, vệ sinh môi trường;
- Triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương;
- Xây dựng kế hoạch triển khai công tác nước sạch, vệ sinh môi trường trong trường học;
- Tham gia ban chỉ đạo điều hành chương trình tại địa phương;
- Tham mưu cho UBND các cấp trong triển khai thực hiện chương trình nước sạch, vệ sinh môi trường trong trường học;
- Phối hợp với các Sở, ngành liên quan tại địa phương trong công tác nước sạch, vệ sinh môi trường trong trường học.

#### 2. Công tác thông tin, truyền thông, giáo dục

- Đối tượng, phương pháp, nội dung thông tin, truyền thông, giáo dục về nước sạch, vệ sinh môi trường (bao gồm số lượng hoạt động; số lượt cán bộ, giáo viên, học sinh tham gia);
- Các mô hình truyền thông giáo dục về nước sạch, vệ sinh môi trường;
- Kết quả tác động đến kiến thức, thay đổi hành vi của cán bộ, giáo viên và học sinh.

#### 3. Công tác đầu tư xây dựng\*

- Tổng số trường học mầm non và phổ thông trên địa bàn (các điểm trường chính);
- Tỷ lệ trường học trên tổng số trường nói trên có công trình nước sạch và công trình vệ sinh hợp vệ sinh tính đến tháng 10/2015 và ước kết quả cuối năm 2015;
- Số công trình được đầu tư xây dựng, sửa chữa trong năm 2012, 2013, 2014 và 2015, tiến độ thực hiện 2015 bao gồm cả tiến độ giải ngân;

\* Đề nghị báo cáo chi tiết các công trình được đầu tư từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu và từ các nguồn vốn khác.

**4. Công tác quản lý, sử dụng, bảo quản công trình nước sạch, vệ sinh môi trường trường học**

- Báo cáo cụ thể về việc thực hiện công tác quản lý, sử dụng và bảo quản các công trình sau đầu tư xây dựng;

- Thực trạng sử dụng và bảo quản công trình nước sạch, vệ sinh trong trường học, kế hoạch, giải pháp trong giai đoạn tới.

**5. Thuận lợi, khó khăn, giải pháp khắc phục**

- Báo cáo cụ thể về khả năng đạt được mục tiêu của chương trình là 100% các trường mầm non và phổ thông (các điểm trường chính) có đủ công trình nước sạch và công trình vệ sinh hợp vệ sinh, được quản lý và sử dụng tốt. Nếu không đạt được thì vì lý do gì, giải pháp trong thời gian tới.

**6. Kế hoạch thực hiện năm 2015**

- Nhiệm vụ và hoạt động trọng tâm nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện Chương trình;

- Kế hoạch cụ thể về phần đầu đạt chỉ tiêu đến cuối năm 2015 căn cứ theo khả năng thực tế của địa phương. Kế hoạch thực hiện công tác xã hội hóa, huy động các nguồn lực khác;

- Đề xuất nhu cầu nguồn vốn trong giai đoạn tới để đảm bảo 100% các trường mầm non và phổ thông (các điểm trường chính) có đủ nước sạch và công trình vệ sinh hợp vệ sinh, được quản lý và sử dụng tốt.



Phụ lục 2

**BẢNG TỔNG HỢP CÔNG TRÌNH NƯỚC SẠCH, CÔNG TRÌNH VỆ SINH TRƯỜNG HỌC**

(kèm theo công văn số 6080 /BGDDT-CTHSSV ngày 18/11/2015)

Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh/thành phố:.....

| STT     | Quận/Huyện | Tổng số trường học (1) |             | Tổng số trường có công trình NS&NT HVS (2) | Nguồn vốn được phân bổ (trệu đồng) (3) |      |       |      |       |      |       |      | Số trường (có công trình NS&NT HVS) tăng thêm (4) |    |      |    |      |    |      |    | Dự kiến kế hoạch 2016-2020 (5) |    |                        |  |
|---------|------------|------------------------|-------------|--------------------------------------------|----------------------------------------|------|-------|------|-------|------|-------|------|---------------------------------------------------|----|------|----|------|----|------|----|--------------------------------|----|------------------------|--|
|         |            | XD trước 2006          | XD sau 2006 |                                            | 2012                                   |      | 2013  |      | 2014  |      | 2015  |      | 2012                                              |    | 2013 |    | 2014 |    | 2015 |    | Số công trình                  |    | Đề xuất KP (trệu đồng) |  |
|         |            |                        |             |                                            | NTP 3                                  | Khác | NTP 3 | Khác | NTP 3 | Khác | NTP 3 | Khác | XM                                                | SC | XM   | SC | XM   | SC | XM   | SC | XM                             | SC |                        |  |
| 1       | A          |                        |             |                                            |                                        |      |       |      |       |      |       |      |                                                   |    |      |    |      |    |      |    |                                |    |                        |  |
| 2       | B          |                        |             | ...                                        |                                        |      |       |      |       |      |       |      |                                                   |    |      |    |      |    |      |    |                                |    |                        |  |
| 3       | C          |                        |             |                                            |                                        |      |       |      |       |      |       |      |                                                   |    |      |    |      |    |      |    |                                |    |                        |  |
| ...     | .....      |                        |             |                                            |                                        |      |       |      |       |      |       |      |                                                   |    |      |    |      |    |      |    |                                |    |                        |  |
| Tổng số |            |                        |             |                                            |                                        |      |       |      |       |      |       |      |                                                   |    |      |    |      |    |      |    |                                |    |                        |  |

**Ghi chú:**

- (1), (2), (4), (5), Bao gồm các trường Mầm non và phổ thông (các điểm trường chính) trên địa bàn quản lý.
- (2) Ước đạt đến cuối năm 2015, dựa trên tổng số trường (1)
- (3) Nguồn vốn NTP3: Là nguồn ngân sách trung ương Chương trình MTQG NS-VSMTNT giai đoạn 2012-2015 phân bổ cho địa phương và được UBND tỉnh/thành phố giao kế hoạch (chỉ bao gồm vốn Đầu tư phát triển, tham khảo TTLT số 04/2013/TTLT-BNNPTNT-BTC-BKHĐT ngày 16/1/2013). Nguồn vốn khác là ngân sách tự chủ của địa phương, các đề án, dự án, chương trình khác, các nguồn tài trợ, huy động, đóng góp xã hội....
- (4) Số trường được đầu tư xây dựng mới (XM) hoặc sửa chữa (SC) công trình nước sạch, nhà tiêu để đạt HVS. Bao gồm vốn NTP3 và các nguồn vốn khác. Các trường học mới thành lập cũng được tính là công trình HVS mới.
- (5) Dự kiến số trường (và nhu cầu vốn tương ứng) sẽ đầu tư xây mới và sửa chữa công trình NS&NT HVS trong giai đoạn tới.

*Ng*